

Đài Loan, 1 hòn đảo phía đông Trung Quốc với dân số 21 triệu người sống trên diện tích khoảng 36.000 km², là một lãnh thổ có nền kinh tế khá phát triển ở châu Á, được coi là một trong 4 con rồng cùng với Hongkong, Singapore và Hàn Quốc. Từ những năm 1960, Đài Loan bắt đầu chương trình cải cách phát triển kinh tế của mình, biến nền kinh tế từ nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp là chủ đạo.

Là một lãnh thổ có thành tựu thương mại nhiều năm, Đài Loan có tỉ lệ dự trữ ngoại tệ đứng thứ 2 thế giới, chỉ sau Nhật. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng đạt mức độ cao: năm 1993 là 6,32% năm 1994 là 6,54% và năm 1995 là 6,06%.

Trong sự phát triển kinh tế, ngành tài chính nói chung và ngành chứng khoán nói riêng đã có những đóng góp to lớn trong việc huy động vốn tạo ra các nguồn lực phát triển, đặc biệt là thị trường chứng khoán đã có những đóng góp đáng kể cho một số ngành công nghiệp mũi nhọn của Đài Loan như nhựa, may mặc, điện, điện tử...

Rút kinh nghiệm của các nước đi trước, ngay từ đầu chính phủ Đài Loan đã nhận thức được rằng cần thiết phải có một cơ quan quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán đủ mạnh mới có thể đảm bảo cho thị trường ổn định và phát triển. Chính vì thế, Đài Loan đã thành lập Ủy ban chứng khoán năm 1960 trước khi thành lập Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) vào năm 1961 và chính thức hoạt động từ ngày 9.2.1962 do một số doanh nghiệp của nhà nước cùng tư nhân nắm giữ.

SGDCK Đài Loan (TSE) được tổ chức theo hình thức công ty, hoạt động theo các điều khoản về công ty SGDCK trong luật, nhưng do có nhiều vấn đề nảy sinh nên UBCKK Đài Loan đang có kế hoạch tổ chức lại TSE (Taiwan Securities Exchange) theo cơ chế thành viên.

I. Tổ chức và chức năng của TSE

TSE là 1 công ty cổ phần hữu hạn, Hội đồng quản trị gồm có 15 thành viên và Ban kiểm soát có 3 thành viên. Theo luật ít nhất có 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị không phải là cổ đông và do cơ quan có thẩm quyền chỉ định, số còn lại được bầu trong đại hội cổ đông. Hiện TSE có 10 phòng ban và 5 đơn vị đặc trách (kèm theo mô hình).

II. Niêm yết chứng khoán

Các công ty niêm yết được chia làm 20 nhóm sau: xi măng, thực phẩm, nhựa, dệt, điện máy, hóa chất, gốm sứ, bột giấy và giấy, thép, cao su, ô tô, điện tử, xây dựng, vận tải, du lịch, khách sạn, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại và siêu thị, tập đoàn đa ngành và một số công ty khác. Công ty niêm yết này được chia làm 3 loại A, B,

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÀI LOAN

Thạc sĩ TRẦN QUỐC TUẤN & HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

C theo tổng vốn, lợi nhuận, cơ cấu tài chính và số lượng cổ đông:

- Loại A: Vốn tự có tối thiểu là 600 Đài tệ, lợi nhuận đạt tối thiểu 10% trong 2 năm hoạt động. Có ít nhất 2.000 cổ đông.

- Loại B: vốn tự có tối thiểu là 300 triệu Đài tệ, lợi nhuận đạt tối thiểu 10% trong năm trước. Có ít nhất 100 cổ đông.

- Loại C: vốn tự có tối thiểu là 200 triệu Đài tệ và phải chứng minh được khả năng kinh doanh (đối với loại này người bảo lãnh phải cam kết mua ít nhất 50% số vốn phát hành).

Trường phòng niêm yết sẽ là người xem xét đầu tiên các đơn xin niêm yết. Bên cạnh việc đánh giá tình hình tài chính, quản lý, khả năng cạnh tranh và phát triển của mỗi công ty, TSE còn tìm hiểu các mặt hoạt động của mỗi công ty phát hành.

Sau đó các đơn đạt yêu cầu được trình lên Hội đồng quản trị. TSE có 1 Ban thẩm tra niêm yết trực thuộc Hội đồng quản trị, ban này gồm đại diện của Hội đồng quản trị và các chuyên gia kế toán, tài chính ngân hàng, kinh tế công nghiệp, quản trị kinh doanh và luật. Các đơn này sẽ được Ban thẩm tra niêm yết xem xét kỹ lưỡng hơn. Nếu đủ tiêu chuẩn, tài liệu sẽ được chuyển lên UBCKK để xin chấp thuận cuối cùng.

Sau khi được Ủy ban chứng khoán chấp thuận, công ty niêm yết sẽ phải trả phí niêm yết cho TSE, phí niêm yết dao động trong khoảng 0,005% - 0,04% trị giá danh nghĩa của chứng khoán và không vượt quá 800.000 Đài tệ. Hàng năm, các công ty niêm yết cũng phải trả 1 khoản phí với tỷ lệ tương tự trên; trong những hợp giá thị trường của cổ phiếu xuống dưới giá danh nghĩa thì phí niêm yết cho năm tiếp theo sẽ được tính theo giá thị trường. Ở đây chúng tôi cũng xin nói thêm một điều là theo quy định tất cả cổ phiếu của các công ty Đài Loan đều có giá trị danh nghĩa là 10 Đài tệ.

Các công ty niêm yết sẽ phải gửi báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm và 6 tháng cho TSE. Hơn nữa, báo cáo tài chính quý I và quý III cũng phải được kiểm toán xem xét và gửi lên TSE. Bên cạnh cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và chứng chỉ quỹ đầu tư cũng được niêm yết tại TSE.

III. Giao dịch chứng khoán

Kể từ khi thành lập TSE, hệ thống giao dịch "la hét thủ công" là cơ sở cho các giao dịch tại thị trường tập trung. Để đáp ứng được nhu cầu giao dịch, hệ thống giao dịch đã dần dần được thay đổi thông qua một vài giai đoạn.

Đầu tiên, giao dịch vòng tròn được thực hiện với hệ thống "la hét" và mỗi loại chứng khoán được đăng ký giao dịch tại từng khu vực cụ thể. Sau đó, giao dịch vòng tròn được thay thế bằng hệ thống giao dịch đồng thời cho tất cả các chứng khoán phát hành. Năm 1972 hệ thống "la hét" được hủy bỏ và đến năm 1985 hệ thống giao dịch có hỗ trợ của máy tính (CATS) được đưa vào vận hành. Đến năm 1993 hệ thống giao dịch tự động hoàn toàn FAST được đưa vào hoạt động.

Thời gian giao dịch tại TSE là từ 9 giờ đến 12 giờ sáng thứ Hai, thứ Sáu, riêng thứ Bảy chỉ từ 9 giờ đến 11 giờ. Các lệnh của khách hàng chỉ có giá trị trong ngày và có thể được cập nhật sớm 20 phút trước thị trường mở cửa. Các lệnh được nhân viên của một công ty môi giới đưa vào trên cơ sở ưu tiên về thời gian. Khi các lệnh được hệ thống xử lý của TSE chấp nhận, một thông tin xác nhận sẽ được chuyển đến công ty chứng khoán. Sau khi giao dịch được thực hiện, 1 bản xác nhận giao dịch sẽ được in tại công ty chứng khoán. Đơn vị giao dịch là lô chẵn (1 lô chẵn là 100 cổ phiếu); đối với trái phiếu, lô chẵn là lô có giá trị danh nghĩa 100.000 Đài tệ. Trong một số trường hợp đặc biệt, cổ phiếu niêm yết có thể được mua bán thông qua thương lượng, đấu giá, đấu thầu hay phương thức khác.

"Chỗ ngồi giao dịch": TSE không có sàn giao dịch, các công ty môi giới không phải mua "ghế" tại sàn mà chỉ cần ký hợp đồng với TSE để được phép nối mạng các máy tính của mình với TSE và trả phí cho việc sử dụng này.

Giới hạn thay đổi giá: Từ tháng 9.1989 dao động giá hàng ngày của cổ phiếu giới hạn ở mức 7% so với giá đóng cửa ngày hôm trước và giới hạn này đối với trái phiếu là 5%.

IV. Chỉ số chứng khoán

TSE có 14 loại chỉ số khác nhau, quan trọng nhất là chỉ số vốn chứng khoán (TAIEX). Ngoài ra còn có các chỉ số đối với cổ phiếu loại A, loại B và 8 chỉ số về vốn của các ngành công

ngành: xi măng, thực phẩm, nhựa, hóa chất, dệt, than, giấy xây dựng, ngân hàng và bảo hiểm. Bên cạnh các chỉ số này còn có 2 chỉ số về giá chứng khoán là chỉ số bình quân công nghiệp và chỉ số giá chứng khoán công nghiệp.

V. Thông tin

Để bảo đảm thuận tiện cho giao dịch, TSE đã phát triển 1 hệ thống thông tin công cộng rất rộng lớn và kịp thời.

Trong giờ giao dịch, người đầu tư có thể theo dõi phiên giao dịch trên hệ thống máy tính của công ty môi giới về giá đặt mua, giá chào bán, giá đã thực hiện, khối lượng các chứng khoán đã mua bán từ lúc mở cửa.

Từ tháng 4.1991, TSE thiết lập hệ thống thông tin đặc biệt nhằm công bố

các thông tin quan trọng về công ty niêm yết. Đến đầu tháng 2.1993 lập hệ thống thông tin về tình hình tài chính và kinh doanh của các công ty niêm yết. Người đầu tư có thể khai thác các thông tin này tại văn phòng công ty môi giới.

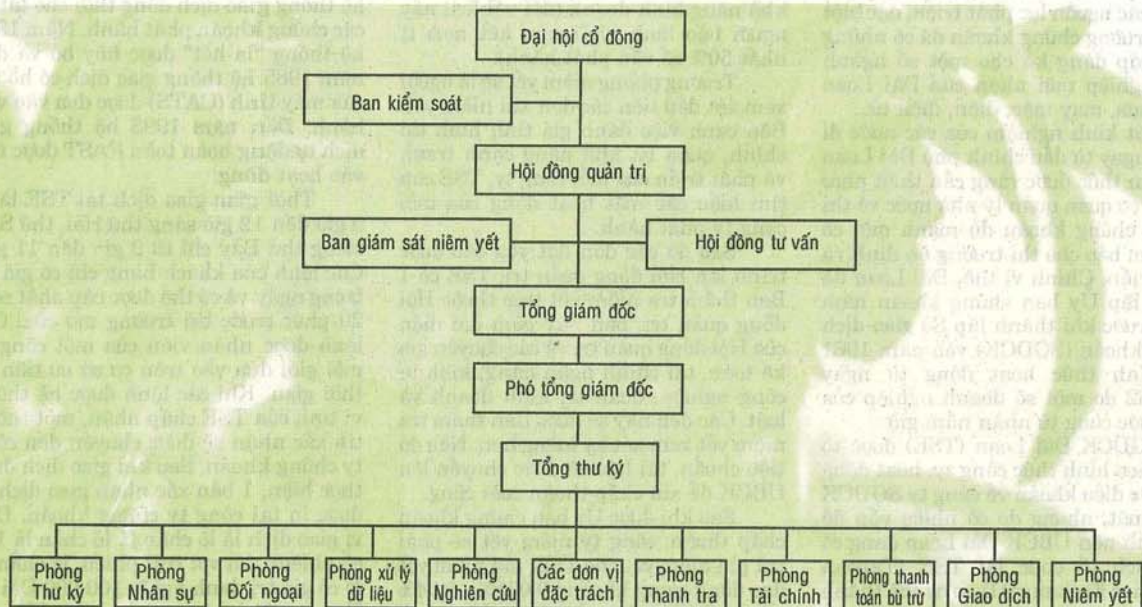
Cùng với việc quốc tế hóa hệ thống tài chính, TSE đã ký thỏa thuận với nhiều tổ chức nước ngoài để công bố thông tin cũng như thu thập thông tin từ các thị trường quốc tế.

Bên cạnh các thông tin thời sự, TSE cũng xuất bản nhiều ấn phẩm để phổ biến thông tin cũng như kiến thức chứng khoán.

Tóm lại, cùng với tăng trưởng kinh tế, TTCK Đài Loan cũng phát triển rất nhanh chóng và vững chắc. Đến tháng 6.1996, tổng lượng vốn phát hành đạt

Hình 1

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÀI LOAN



Hình 2

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ĐÀI LOAN

